

**CÔNG TY TNHH TRION VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TRION VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TRION VIETNAM COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: TRION VIETNAM CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110779533

**3. Ngày thành lập:** 10/07/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 14, ngách 1, ngõ 87, phố Phú Đô, Phường Phú Đô, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0848694222

Fax:

Email: ctycticom85@gmail.com

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép<br>(Không bao gồm hoạt động đầu giá tài sản)                                                                                                                                                                                                                               | 4641        |
| 2.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn nước hoa, nước thơm, dầu thơm;<br>- Bán buôn hàng mỹ phẩm: Son, phấn, kem dưỡng da và trang điểm, mỹ phẩm dùng cho mắt...;<br>- Chế phẩm vệ sinh: Xà phòng thơm, nước gội đầu, sữa tắm, chế phẩm khử mùi hôi, khăn giấy, tã giấy, giấy vệ sinh... | 4649(Chính) |
| 3.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>(Không bao gồm hoạt động đầu giá tài sản)                                                                                                                                                                                                                  | 4669        |
| 4.  | Bán buôn tổng hợp<br>Chi tiết: Trừ loại Nhà nước cấm<br>(Không bao gồm hoạt động đầu giá tài sản)                                                                                                                                                                                                               | 4690        |
| 5.  | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>(Không bao gồm hoạt động đầu giá tài sản)                                                                                                                                               | 4711        |
| 6.  | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>(Không bao gồm hoạt động đầu giá tài sản)                                                                                                                                                                                                                 | 4719        |
| 7.  | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Không bao gồm hoạt động đầu giá tài sản)                                                                                                                                                             | 4741        |
| 8.  | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Không bao gồm hoạt động đầu giá tài sản)                                                                                                                                                                                                          | 4742        |
| 9.  | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Không bao gồm hoạt động đầu giá tài sản)                                                                                                                                                                                    | 4751        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 10. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)                                                                                       | 4753 |
| 11. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)           | 4759 |
| 12. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)                                                                                                        | 4763 |
| 13. | Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)                                                                                                                          | 4764 |
| 14. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)                                                                                                  | 4771 |
| 15. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản) | 4772 |
| 16. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)                                                                                                                          | 4773 |
| 17. | Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)                                                                                                                          | 4782 |
| 18. | Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)                                                                                                                               | 4784 |
| 19. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết: Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh lưu động hoặc tại chợ<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)                                                                  | 4789 |
| 20. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)                                                                                                                           | 4791 |
| 21. | Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm                                                                                                                                                                 | 1512 |
| 22. | Sản xuất giày, dép                                                                                                                                                                                                             | 1520 |
| 23. | Sản xuất sắt, thép, gang                                                                                                                                                                                                       | 2410 |
| 24. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                                                   | 2592 |
| 25. | Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng                                                                                                                                                                    | 2593 |
| 26. | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                    | 2599 |
| 27. | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng                                                                                                                                                                                             | 2640 |
| 28. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                                                                                                                  | 3100 |
| 29. | Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)                                                                                                                                                | 3230 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 30. | Sản xuất đồ chơi, trò chơi<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)                                                                                                                                                                                                                                | 3240 |
| 31. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>(Loại trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                     | 4610 |
| 32. | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: Bán buôn thực phẩm chức năng (Nghị định 67/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 sửa đổi bởi khoản 3 điều 2 Nghị định 155/2018/NĐ-CP)                                                                                                                                    | 4632 |
| 33. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm<br>( Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)                                                                                                                                                                                                      | 4651 |
| 34. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông<br>( Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)                                                                                                                                                                                                       | 4652 |
| 35. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                 | 4653 |
| 36. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>(không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)                                                                                                                                                                                                           | 4659 |
| 37. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                | 4663 |
| 38. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                       | 4722 |
| 39. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>( Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)                                                                                                                                                     | 4752 |
| 40. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Trừ hoạt động chuyển phát, không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản theo quy định Luật đấu giá tài sản                                                                                                                                        | 4799 |
| 41. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô<br>(Điều 9 Nghị định 10/2020/NĐ-CP)                                                                                                                                                                               | 4933 |
| 42. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                            | 5210 |
| 43. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 5224 |
| 44. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay; - dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển; - Dịch vụ logistics (Điều 233 Luật thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005)<br>( Loại trừ các hoạt động dịch vụ liên quan đến vận tải hàng không) | 5229 |
| 45. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Nhóm này gồm: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh ( Luật thương mại năm 2005)                                                                                                                                    | 8299 |
| 46. | Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ                                                                                                                                                                                                                                                                         | 1610 |
| 47. | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác                                                                                                                                                                                                                                                      | 1621 |
| 48. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                | 1622 |
| 49. | Sản xuất bao bì bằng gỗ                                                                                                                                                                                                                                                                                | 1623 |
| 50. | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện                                                                                                                                                                                                               | 1629 |

|     |                                                                                |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------|------|
| 51. | Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác                                         | 2732 |
| 52. | Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học                                            | 2731 |
| 53. | Sản xuất pin và ắc quy                                                         | 2720 |
| 54. | Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện | 2710 |
| 55. | Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh                           | 2013 |
| 56. | Sản xuất sản phẩm từ plastic                                                   | 2220 |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Ho và tên: **HOÀNG TRONG TIẾN**

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: 01/09/1985

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001085028381

Ngày cấp: 10/06/2024

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: Số 14 ngách 1, ngõ 87, phố Phú Đô, Phường Phú Đô, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 14 ngách 1, ngõ 87, phố Phú Đô, Phường Phú Đô, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Ho và tên: **HOÀNG TRONG TIẾN**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 01/09/1985

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001085028381

Ngày cấp: 10/06/2024

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 14 ngách 1, ngõ 87, phố Phú Đô, Phường Phú Đô, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 14 ngách 1, ngõ 87, phố Phú Đô, Phường Phú Đô, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội